

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

Ông Nguyễn Chí Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 667/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 686/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Tiến D, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 1/9 đường N, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Phạm Ngọc K, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 1/9 đường N, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Tiến D đều trình bày:

Ông và bà Phạm Ngọc K tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1x ngày 18/12/2000. Ông, bà có bốn con chung là Trần Hoàng Minh A, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2001, Trần Hoàng Minh H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2003 đều đã thành niên, Trần Hoàng Minh H1, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011 và Trần Hoàng Ng, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016.

Quá trình chung sống từ sau khi kết hôn đến nay thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có quá nhiều khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, quan điểm không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ đó tạo ra khoảng cách, không

còn quan tâm đến nhau dẫn đến việc gia đình thường xuyên mâu thuẫn, ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc học hành của các con. Hiện nay vợ chồng đang sống ly thân nhiều năm. Nay, nhận thấy ông, bà không có hạnh phúc, việc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Ngọc K.

Về con chung: Hai con chung là Trần Hoàng Minh A, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2001 và Trần Hoàng Minh H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2003 đều đã thành niên. Ông yêu cầu giao hai con chung là Trần Hoàng Minh H1, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011 và Trần Hoàng Ng, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016 cho ông trực tiếp nuôi vì các con sống chung với ông từ nhỏ và do ông trực tiếp nuôi. Ông không yêu cầu bà Phạm Ngọc K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Phạm Ngọc K trình bày tại Bản khai ngày 01 tháng 3 năm 2023: Bà không đồng ý ly hôn với ông Trần Tiến D vì bà không phải là sống ly thân nhiều năm mà bà vẫn sống với chồng từ đó cho đến ngày bà bị bắt tạm giam tại Trại giam T30 ngày 16 tháng 01 năm 2021.

Về con chung: Bà không đồng ý giao hai con chung là Trần Hoàng Minh H1, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011 và Trần Hoàng Ng, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016 cho ông Trần Tiến D nuôi vì hai con là do bà chăm sóc và nuôi nấng từ nhỏ tới lớn chứ không phải như ông Trần Tiến D trình bày. Bà yêu cầu giao hai con chung cho bà trực tiếp nuôi và không yêu cầu ông Trần Tiến D cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Trần Tiến D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Phạm Ngọc K hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa, có nơi cư trú cuối cùng tại Số 1/9 đường N, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1x ngày 18/12/2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hoà giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng bị đơn hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa, còn nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đề ngày 10 tháng 02 năm 2023, thể hiện nguyên đơn không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ.

[6] Theo Văn bản số 20/UBND đề ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh thì nguyên đơn và bị đơn chỉ có hộ khẩu nhưng không sinh sống tại địa chỉ này, hiện giờ ở đâu không rõ, vì vậy Ủy ban nhân dân phường không thể xác minh được hoàn cảnh gia đình và nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan.

[7] Nguyên đơn yêu cầu ly hôn vì quá trình chung sống từ sau khi kết hôn đến nay thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có quá nhiều khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, quan điểm không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ đó tạo ra khoảng cách, không còn quan tâm đến nhau dẫn đến việc gia đình thường xuyên mâu thuẫn, ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc học hành của các con; vợ chồng đang sống ly thân nhiều năm; không có hạnh phúc, việc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn bị đơn không có ý kiến phản đối lời khai của nguyên đơn, mà chỉ không đồng ý ly hôn vì cho rằng cả hai không sống ly thân nhiều năm mà vẫn sống với nhau từ đó cho đến ngày bị đơn bị bắt tạm giam tại Trại giam T30 ngày 16 tháng 01 năm 2021.

[8] Xét thấy, theo Bản Kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 425-25/KLĐT-CSHS-Đ8 ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị truy tố bị đơn về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 4 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2022, bị bắt tạm giam ngày 25 tháng 01 năm 2022, hiện nay bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, phạm tội quy định tại khoản 4 Điều 174 thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân và phạm tội quy định tại khoản 3 Điều 341 thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

[9] Theo khoản 3 Điều 19 của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 thì *“Người bị tạm giữ, người bị tạm giam bị hạn chế quyền đi lại, giao dịch, tiếp xúc, thông tin, liên lạc, tuyên truyền tín ngưỡng, tôn giáo”*.

[10] Theo các điểm a.1, a.2, a.3 Mục 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có bốn con chung, trong đó, hai con chung là Trần Hoàng Minh A, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2001 và Trần Hoàng Minh H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2003 đều đã thành niên; Hai con chung là Trần Hoàng Minh H1, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011 và Trần Hoàng Ng, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016 chưa thành niên.

[12] Theo quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Theo các bản khai của nguyên đơn và bị đơn thì cả hai đều yêu cầu giao hai con chung chưa thành niên cho mình trực tiếp nuôi và không ai có yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng cho con.

[13] Hội đồng xét xử xét thấy hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 35 của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 thì *“Người bị tạm giữ, người bị tạm giam có con từ đủ 36 tháng tuổi trở lên thì phải gửi con về cho thân nhân nuôi dưỡng”*; Do đó, đối với bị đơn đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh, nếu giao con cho bị đơn nuôi thì không phù hợp với điều kiện hiện tại cho nên tại thời điểm này giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi sẽ phù hợp hơn.

[14] Theo hai Bản khai ngày 10 tháng 02 năm 2023 của trẻ Trần Hoàng Minh H1 và trẻ Trần Hoàng Ng thì nếu bố, mẹ không sống cùng nhau nữa thì con muốn sống với bố.

[15] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nguyện vọng của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung chưa thành niên là Trần Hoàng Minh H1, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011 và Trần Hoàng Ng, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi.

[16] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[17] Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

[18] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bị đơn khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng khi ly hôn có quyền tự thỏa thuận với nhau về toàn bộ các vấn đề, trong đó có cả việc phân chia tài sản; Trường hợp vợ chồng không thỏa thuận được mà có yêu cầu thì Tòa án phải xem xét, quyết định việc áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận hay theo luật định. Do các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên đơn và bị đơn có quyền tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản, trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[19] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[20] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tiến D

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tiến D và bà Phạm Ngọc K được ly hôn.

Về con chung: Giao hai con chung là Trần Hoàng Minh H1, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011 và Trần Hoàng Ng, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016 cho ông Trần Tiến D trực tiếp nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Tiến D không yêu cầu bà Phạm Ngọc K cấp dưỡng cho con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2022/001xxxxx ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Tiến D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Minh